

Bản án số: 03/2025/LĐ-PT

Ngày 23 - 4 - 2025

V/v “Tranh chấp đòi tiền lương, yêu
cầu chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 07/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp đòi tiền lương, yêu cầu chốt sổ và trả sổ bảo hiểm xã hội”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1031/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Sim B, sinh năm 1992. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 65-29 S-ro 256beon-gil, W-gu, B-si, G-do, R of Korea.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hà Thụy Phương T, sinh năm 1996. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Công ty TNHH J.

Địa chỉ: X, lô 15-17-19, đường số E, khu công nghiệp T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Jang Myung H; chức vụ: Giám đốc. (*Vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Cho Seung M, sinh năm 1971. (*Vắng mặt*)

2. Bà Cho Y, sinh năm 1974. (*Vắng mặt*)
3. Ông Seungmok O, sinh năm 1979. (*Vắng mặt*)
4. Bà Đinh Tuyết Anh T1, sinh năm 1994. (*Vắng mặt*)
5. Bà Bùi Thị Thủy T2, sinh năm 1997. (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng G, Vincom L, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH J.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/3/2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Sim B và người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Hà Thụy Phương T có nội dung như sau:

Ngày 01/3/2024, ông Sim B có ký hợp đồng lao động số HĐ 2024 với Công ty TNHH J, thời hạn hợp đồng là 01 năm từ ngày 01/3/2024 đến ngày 01/3/2025, chức vụ, công việc ông Sim B phải làm là kỹ thuật. Mức lương ông Sim B nhận hàng tháng là 90.000.000đồng, hình thức trả lương bằng tiền mặt. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Sim B đã thực hiện đúng các công việc được giao, chấp hành tốt nội quy công ty, luôn hoàn thành tốt công việc, chưa từng bị công ty xử lý kỷ luật, công ty trả lương đầy đủ lương tháng 3/2024 cho ông. Tuy nhiên, trong thời gian làm việc từ tháng 4/2023 đến ngày 21/5/2024 thì công ty không trả lương cho ông S Boram nữa, mặc dù ông Sim B nhắc nhở liên tục nhưng giám đốc công ty C mà không thực hiện việc chi trả lương cho ông, trong khi đó các khách hàng Nhật Bản đã thông báo rằng họ đã trả tiền hàng hóa cho Hàn Quốc và không trả tiền lương, bảo hiểm cho các nhà quản lý người Hàn Quốc và nhân viên tại Việt Nam mặc dù họ có tiền tại Hàn Quốc. Ông nhận thấy công ty không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã ký kết và ông Sim B cần có thu nhập để lo cho gia đình và bản thân nên ngày 21/5/2024, ông Sim B đã nộp đơn thôi việc và nhận được sự đồng ý từ giám đốc của công ty.

Nhận thấy nguyên đơn đã đóng góp công sức rất nhiều cho công ty nhưng công ty không trả lương cho nguyên đơn, ông Sim B khởi kiện Buộc Công ty TNHH J phải trả cho ông Sim B số tiền lương còn nợ từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 là 150.967.741đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu công ty đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày tại bản tự khai ngày 09/9/2024: Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc Công ty TNHH J phải trả cho ông Sim B số tiền lương còn nợ từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 là 150.967.741đồng. Yêu cầu chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Do bị đơn đã đóng đầy đủ tiền bảo hiểm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm. Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH J do bà Đinh Thị Tuyết N đại diện theo uỷ quyền trình bày tại bản ý kiến ngày 07/8/2024:

Bị đơn đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì những lý do sau đây:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm cả phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động ký giữa bị đơn và công ty mẹ của bị đơn tại Hàn Quốc. Theo đó, phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động giữa nguyên đơn với công ty mẹ của bị đơn (chủ sở hữu của bị đơn) tại Hàn Quốc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam theo Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không những vậy, nguyên đơn còn nộp đơn đến cơ quan quản lý về lao động tại Hàn Quốc để yêu cầu giải quyết phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động ký giữa bị đơn và công ty mẹ của bị đơn tại Hàn Quốc cũng như hợp đồng lao động ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Theo đó, phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động ký giữa nguyên đơn và bị đơn đã được giải quyết một phần bởi cơ quan quản lý về lao động tại Hàn Quốc. Bị đơn sẽ sớm cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho thông tin mà bị đơn cung cấp nêu trên cho Tòa án để cân nhắc xem xét.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐST ngày 10 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 17, Điều 22, Điều 23 và Điều 25 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sim B tranh chấp đòi tiền lương với bị đơn Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J phải trả cho ông S Boram tiền lương nợ từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 với số tiền là 150.967.741 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sim B về việc yêu cầu Công ty TNHH J chốt và trả lại sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Sim B.

Buộc Công ty TNHH J hoàn tất các thủ tục chốt và trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Sim B theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án và quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

Ngày 09/10/2024, Công ty TNHH J kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và nguyên đơn đã có nhiều hành vi vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Cụ thể:

Giữa nguyên đơn và bị đơn không giao kết hợp đồng lao động tại Việt Nam, bản hợp đồng lao động do ông Sim B nộp cho Tòa án được ký ngày 10/3/2024 trong khi đại diện theo pháp luật của bị đơn là J1 không có mặt tại Việt Nam trong thời gian này, đây là hợp đồng giả mạo vì ông Sim B từng có hành vi giả mạo chữ ký của bà Jang Myung H và con dấu Công ty trong các vụ kiện đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết tại các bản án lao động sơ thẩm số 01, 02, 03/2024/LĐ-ST. Cho đến khi ông S Boram khởi kiện, bà Jang Myung H mới biết các tài liệu này và đã tố giác ông ta đến cơ quan có thẩm quyền. Giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế không có quan hệ lao động do không có Hợp đồng lao động có hiệu lực nên bị đơn không có nghĩa vụ phải thanh toán tiền lương và các khoản bồi thường có liên quan cho nguyên đơn.

Ngoài ra, nguyên đơn đã nộp đơn đến cơ quan quản lý về lao động tại Hàn Quốc để yêu cầu giải quyết phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động ký giữa bị đơn và Công ty mẹ của bị đơn tại Hàn Quốc, cũng như hợp đồng lao động ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Theo đó, phần tiền lương chưa thanh toán theo hợp đồng lao động ký giữa nguyên đơn và bị đơn đã được giải quyết một phần bởi cơ quan quản lý về lao động tại Hàn Quốc. Yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/3/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xuất trình các văn bản được cho là gửi về từ Hàn Quốc liên quan đến việc giải quyết tiền lương cho nguyên đơn. Tuy nhiên, văn bản này chưa được hợp pháp hóa lãnh sự và chưa được dịch sang tiếng Việt theo đúng quy định nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để bị đơn thực hiện thủ tục xuất trình chứng cứ hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được văn bản hợp lệ của các tài liệu đã xuất trình vào ngày 31/3/2025, trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thừa nhận các thông tin về hợp đồng lao động đã ký kết như nguyên đơn trình bày là đúng, do Công ty mẹ tại Hàn Quốc xảy ra sự cố nên Công ty hoạt động tại Việt Nam cũng bị ảnh hưởng và có sự việc chi trả lương gián đoạn như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho nguyên đơn từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 với số tiền 150.967.741 đồng là không đúng vì thực tế bị đơn đã thanh toán vào các ngày 18/5/2024, 23/5/2024 và 04/6/2024 các khoản tiền lần lượt là 15.000.000 đồng, 30.000.000 đồng và 42.300.000 đồng; tổng cộng là 87.300.000 đồng. Do vậy đề nghị tạm ngừng phiên tòa để bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ về việc thanh toán này. Ngoài ra, nguyên đơn cũng được Công ty mẹ của bị đơn tại Hàn Quốc chi trả các khoản tiền lương xong nên yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện

bị đơn cũng cung cấp tài liệu về việc bị đơn chi trả tiền cho nguyên đơn nhưng cũng xác định đây là văn bản do kế toán công ty tự liệt kê.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: giai đoạn giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng có mặt đã thực hiện đúng quy định tố tụng. Kháng cáo được làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ thủ tục tố tụng, chứng cứ được thu thập đầy đủ để đánh giá và giải quyết các vấn đề trong vụ kiện một cách khách quan, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng. Án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật trong vụ án và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Long An là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn cùng đại diện hợp pháp vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng lao động số HĐ 2024 được ký ngày 01/3/2024 bởi Công ty TNHH J và ông Sim B có nội dung ông Sim B sẽ làm việc tại công ty với công việc là kỹ thuật, thời hạn hợp đồng 01 năm từ ngày 01/3/2024 đến 01/3/2025; mức lương ông Sim B nhận hàng tháng là 90.000.000 đồng, trả lương bằng tiền mặt. Theo đơn khởi kiện, sau khi hợp đồng được ký, ông Sim B đã vào làm việc và được trả lương tháng 3/2024, nhưng từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 thì công ty không trả lương nên ông nghỉ việc và yêu cầu thanh toán tiền lương còn thiếu cùng với việc chốt sổ bảo hiểm xã hội để trả lại cho ông.

Quá trình tố tụng, bị đơn thừa nhận nội dung hợp đồng nhưng cho rằng ông Sim B đã khiếu nại đòi tiền lương với Công ty mẹ ở Hàn Quốc và đã được giải

quyết một phần theo hợp đồng lao động đã ký tại Hàn Quốc, nên vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Như vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng lao động các bên đã ký đã phát sinh hiệu lực pháp luật, ông Sim B là người lao động nước ngoài làm việc cho Công ty có vốn đầu tư nước ngoài nhưng công việc được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, có liên quan đến chính sách về người lao động nước ngoài tại Việt Nam và các vấn đề về bảo hiểm xã hội theo P điều chỉnh. Tranh chấp phát sinh được giải quyết bởi Tòa án Việt Nam là đúng quy định tại Điều 32 và Điều 469 Luật Tố tụng dân sự. Việc người sử dụng lao động không thanh toán tiền lương cho người lao động nhưng không đưa ra được lý do chính đáng là đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng lao động. Nguyên đơn khởi kiện đòi tiền lương còn thiếu là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng lao động và thực tế thực hiện hợp đồng, nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền tương ứng với thời gian lao động của nguyên đơn mà bị đơn chưa thanh toán là đúng thực tế và đúng với tài liệu do nguyên đơn xuất trình.

Đối với yêu cầu chốt và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy tại Công văn 1868/BHXX-PQLT-ST ngày 20/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH J, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông Sim B từ tháng 6/2021 đến tháng 02/2024 trên mã số bảo hiểm xã hội 742398824 (có kèm theo phụ lục bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp). Quá trình tham gia trên chưa được xác nhận chốt bảo lưu. Tại Phụ lục 02 (BL 61) đính kèm có nội dung: từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024 mức đóng bảo hiểm của ông Sim B là 29.000.000 đồng và tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội là 25%. Án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 để chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn chốt và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông Sim B là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo cho rằng vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và giữa nguyên đơn với bị đơn không có Hợp đồng lao động nên không phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền lương; nguyên đơn đã nộp hợp đồng lao động giả mạo cho Tòa án. Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thừa nhận quan hệ lao động của ông Sim B với Công ty TNHH J và không cung cấp được tài liệu nào về chứng minh cho khai nại này nên kháng cáo cho rằng Hợp đồng lao động là giả mạo không có căn cứ.

Đối với nội dung kháng cáo về thẩm quyền thụ lý vụ kiện, thấy rằng: Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết bởi Công ty nước ngoài đăng ký hoạt động tại Việt Nam với cá nhân là người nước ngoài, và công việc phải thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam; các chế độ đăng ký cho lao động người nước ngoài và chế độ bảo hiểm xã hội tuân theo sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam nên tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam theo quy định tại Điều 32 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng khoản tiền lương nguyên đơn yêu cầu đã được Công ty mẹ tại Hàn Quốc chi trả xong và cung cấp các văn bản mà bị đơn cho rằng được gửi từ Hàn Quốc sang. Nhận thấy các tài liệu này không được hợp pháp hóa lãnh sự và không được phiên dịch đúng quy định nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để bị đơn thực hiện dịch thuật, hợp pháp hóa lãnh sự các tài liệu này theo đúng quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không xuất trình được các tài liệu trên theo yêu cầu của Hội đồng xét xử; đồng thời đưa ra thông tin là đã chi trả cho nguyên đơn tiền lương tổng cộng 87.300.000 đồng nhưng chỉ cung cấp được văn bản là tài liệu của kế toán công ty tự in, không có xác nhận cụ thể của nguyên đơn hay đại diện hợp pháp của nguyên đơn và tiếp tục xin hoãn phiên tòa để có thời gian cung cấp chứng cứ. Do đã được giải thích về thủ tục cung cấp chứng cứ và dành thời gian để thu thập chứng cứ cung cấp cho Tòa án nhưng bị đơn không thực hiện nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Như đã nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng; về nội dung: với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới hợp pháp làm thay đổi bản chất vụ việc. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Án phí lao động phúc thẩm bị đơn phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH J.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 05/2024/LĐST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ:

Các điều 32, 35, 37, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 15, 17, 22, 23 và 25 Bộ luật Lao động năm 2019;

Khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sim B tranh chấp đòi tiền lương với bị đơn Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J phải trả cho ông S Boram tiền lương nợ từ tháng 4/2024 đến ngày 21/5/2024 với số tiền là 150.967.741 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sim B về việc yêu cầu Công ty TNHH J chốt và trả lại sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Sim B.

Buộc Công ty TNHH J hoàn tất các thủ tục chốt và trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội cho ông Sim B theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH J phải chịu 300.000 đồng án phí lao động phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000167 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- DS (2);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ